

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 15 - 9 - 2025.

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lường Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Ngọc Phương;

Ông Phạm Ngọc Thiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lò Thị Hiền - Thư ký Tòa án khu vực 2 - Sơn La.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La tham gia phiên tòa:*
Ông Hà Văn Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2025/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T; sinh năm: 2003; nơi cư trú: Bản C, xã TC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

Bị đơn: Anh Quàng Văn D; sinh năm: 1999; nơi cư trú: Bản C, xã TC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2025, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về tình cảm: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn D kết hôn với nhau từ ngày 19/8/2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã TC, tỉnh Sơn La). Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hoà hợp, bất đồng trong quan điểm sống. Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn D đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành, hiện nay đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Lò Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Lò Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Quàng Văn D.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn D có 01 con chung: Cháu Quàng Thị Yến C, sinh ngày 02/10/2019. Nay ly hôn chị Lò Thị T yêu cầu được

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quàng Thị Yến C đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị T không yêu cầu anh Quàng Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Cam đoan không có.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Quàng Văn D trình bày:

Về tình cảm: Anh Quàng Văn D thừa nhận: Anh Quàng Văn D và chị Lò Thị T kết hôn với nhau từ ngày 19/8/2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã TC, tỉnh Sơn La). Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hoà hợp, bất đồng trong quan điểm sống. Anh Quàng Văn D và chị Lò Thị T đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành, hiện nay đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Anh Quàng Văn D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Lò Thị T yêu cầu được ly hôn, anh Quàng Văn D nhất trí.

Về con chung: Anh Quàng Văn D thừa nhận: Anh Quàng Văn D và chị Lò Thị T có 01 con chung: Cháu Quàng Thị Yến C, sinh ngày 02/10/2019. Nay ly hôn anh Quàng Văn D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quàng Thị Yến C đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Quàng Văn D yêu cầu chị Lò Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Cam đoan không có.

Biên bản xác minh ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La về tình trạng hôn nhân của chị Lò Thị T và anh Quàng Văn D: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn D từ năm 2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã TC, tỉnh Sơn La). Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn tính tình không hoà hợp. Hiện nay chị Lò Thị T và anh Quàng Văn D đã sống ly thân từ năm 2023, đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành. Hiện nay anh Quàng Văn D thường xuyên đi làm ăn xa, không có mặt ở nhà. Anh Quàng Văn D và chị Lò Thị T có một con chung là con gái, sinh năm 2019, hiện đang sống cùng chị Lò Thị T từ khi anh Quàng Văn D và chị Lò Thị T sống ly thân.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ: Nguyên đơn chị Lò Thị T có đơn đề nghị vắng mặt; bị đơn anh Quàng Văn D nhất trí không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, không yêu cầu Toà án triệu tập đương sự khác và người tham gia tố tụng khác.

Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 25/8/2025 của nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày do bận công việc, nên không thể có mặt để tham dự phiên toà, chị

Lò Thị T đề nghị xét xử vắng mặt. Ý kiến của chị Lò Thị T về việc giải quyết vụ án: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về tình cảm: Yêu cầu được ly hôn với anh Quảng Văn D; về con chung yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quảng Thị Yến C đến khi cháu trưởng thành. Không yêu cầu anh Quảng Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Cam đoan không có.

Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 28/8/2025 của bị đơn anh Quảng Văn D do bận công việc phải đi làm ăn xa tại miền trung nên không có mặt tại Tòa án để tham gia xét xử vào ngày 15/9/2025, đề nghị xét xử vắng mặt anh Quảng Văn D.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị T, bị đơn anh Quảng Văn D đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lò Thị T, anh Quảng Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại **khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.**

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, điều 147; **khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228**; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH 15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Tòa án; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Quảng Văn D.

Về con chung: Giao cháu Quảng Thị Yến C, sinh ngày 02/10/2019 cho chị Lò Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Quảng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Lò Thị T khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Quàng Văn D có địa chỉ tại xã TC, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, **điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH 15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Tòa án.**

Nguyên đơn chị Lò Thị T, bị đơn anh Quàng Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lò Thị T, bị đơn anh Quàng Văn D.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn D đều thừa nhận: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã TC, tỉnh Sơn La) vào ngày 19/8/2021, đúng theo quy định của pháp luật, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay chị Lò Thị T và anh Quàng Văn D đã sống ly thân từ năm 2023. Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương xác nhận chị Lò Thị T và anh Quàng Văn D có phát sinh mâu thuẫn và hiện nay chị Lò Thị T và anh Quàng Văn D đã sống ly thân. Chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn anh Quàng Văn D nhất trí. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị Lò Thị T và anh Quàng Văn D tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Quàng Văn D. Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung:

Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn D đều thừa nhận có 01 con chung: Cháu Quàng Thị Yến C, sinh ngày 02/10/2019. Chị Lò Thị T, anh Quàng Văn D đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi cháu trưởng thành.

HĐXX xét thấy: Cháu Quàng Thị Yến C, sinh ngày 02/10/2019 hiện đang sống cùng chị Lò Thị T từ năm 2023 (kể từ khi anh Quang Văn Dung, chị Lò Thị T sống ly thân) cuộc sống của cháu Quàng Thị Yến C đã ổn định, cháu Quàng Thị Yến C đang con nhỏ (chưa đủ 7 tuổi) và là con gái nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ là chị Lò Thị T. Mặt khác hiện nay anh Quàng Văn D cũng thường xuyên đi làm ăn xa, không có mặt ở nhà để trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Quàng Thị Yến C. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị T. Giao cháu Quàng Thị Yến C, sinh ngày 02/10/2019 cho chị Lò Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành. Chị Lò Thị T không yêu cầu anh Quàng Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung, cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn anh Quàng Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Cam đoan không có.

[6]. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định. Chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH 15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Quàng Văn D.

2. Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn D có 01 con chung: Cháu Quàng Thị Yến C, sinh ngày 02/10/2019.

Giao cháu Quàng Thị Yến C, sinh ngày 02/10/2019 cho chị Lò Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng: Anh Quàng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lò Thị T; bị đơn anh Quàng Văn D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 – Sơn La(2 bản);
- UBND xã TC, tỉnh Sơn La,
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Thị Hương